

Bản án số: 89/2022/HS-ST
Ngày 30-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Thân Trọng Khôi
- **Các hội thẩm nhân dân:** Bà Ngô Thị Mai – Giáo viên nghỉ hưu
Ông Nguyễn Quang Vinh – Sỹ quan quân đội nghỉ hưu
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HS ngày 15/9/2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 08/10/2005;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Văn P, sinh năm 1975 (đã chết); con bà: Vi Thị T, sinh năm 1980 (đã chết); gia đình có ba anh em bản thân là thứ hai; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2022/HS-ST ngày 26/8/2022, của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Vi Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Trọng N, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ).

- Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hiện cư trú: Ki ốt chợ N, thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Cháu Đồng Khắc N, sinh ngày 24/8/2009; Do ông Đồng Khắc V, sinh năm 1973 là bố đẻ đại diện theo pháp luật (đều vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn M, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Vi Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

6. Cháu Hoàng Văn S, sinh ngày 10/01/2008, do ông Hoàng Văn H, sinh 1957 ông nội đại diện (đều vắng mặt).

Đều cư trú: Thôn M, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Phố B, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Đồng Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Dương Công T1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Tô Văn N, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn E, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hiện cư trú: Ki ốt 83 chợ N, thôn B, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản cáo trạng số: 79/CT-VKS ngày 14/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn T, sinh ngày 08/10/2005, trú tại thôn H, xã H, huyện Lạng Giang là đối tượng nghiện ma túy. Trong thời gian Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang chuẩn bị xét xử đối với Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 03/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, T liên tục có hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2022, T được anh Dương Công T1, sinh năm 1984 ở thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang cho ở nhờ tại Ki ốt chợ B thuộc thôn B, xã N, huyện Lạng Giang. Khoảng 19 giờ ngày 23/6/2022, Tuyên nhìn thấy chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn H, xã N, huyện Lạng Giang là

chủ quán cắt tóc bên cạnh ki ốt T đang ở đi đón con nhưng vẫn mở cửa nên đã nảy sinh ý định đi vào quán tìm tài sản để trộm cắp. Để thực hiện ý định trên, T đi sang quán cắt tóc của chị H, thấy anh Nguyễn Khánh D, sinh năm 2001 là cháu của chị H đang ngồi chơi, T hỏi D “trên tầng 2 có lắp camera không” nhưng anh D không nói gì và quay mặt đi. Lúc này, T lợi dụng D không chú ý, đi lên tầng 2 rồi vào trong phòng ngủ của chị H tìm tài sản. T nhìn thấy trên móc quần áo có treo 01 chiếc túi xách màu vàng, T đi đến gần móc treo quần áo dùng tay mở túi xách ra thì phát hiện bên trong túi có 01 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng nên đã lấy toàn bộ số tiền trên đầu vào trong người rồi đi về Ki ốt T ở nhờ của anh T1 bỏ ra đếm được số tiền 8.000.000 đồng. Có tiền T đi sang cửa hàng điện thoại của anh Tô Văn N, sinh năm 1988 ở gần đó mua 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus hết số tiền 1.900.000 đồng và ra chợ B mua quần áo hết số tiền hơn 1.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, chị H đi đón con về thì phát hiện bị mất trộm tiền; lúc này chị H nghi ngờ T lấy trộm tiền của mình nên gọi điện nhờ anh T1 hỏi T có lấy tiền của chị H không thì T trả lời có và đưa cho anh T1 số tiền còn lại là 4.300.000 đồng và 01 chiếc điện Iphone 6 plus mới mua, nhờ anh T1 trả cho chị H và anh N. Sau đó, anh T1 đem điện thoại đến trả cho anh N lấy lại số tiền 1.900.000 đồng và bỏ thêm 1.800.000 đồng vào rồi đem trả cho chị H số tiền 8.000.000 đồng.

Khoảng 17 giờ một ngày đầu tháng 7/2022, T đến khu đất mới thuộc thôn H, xã N, huyện Lạng Giang thì gặp em Đồng Khắc N, sinh ngày 24/8/2009, trú tại thôn V, xã A, huyện Lạng Giang đi xe máy điện không gắn biển kiểm soát (xe N mượn của bố tên Đồng Khắc V, sinh năm 1972) đến. Lúc này, Tuyên nảy sinh ý định chiếm đoạt bình ắc quy trên xe của N nên T nói dối N cho T mượn xe để đi chuộc lại điện thoại T đã cầm cố trước đó. N đồng ý và giao xe cho T, T điều khiển xe đến quán sửa xe mô tô của anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1987, trú tại phố B, xã A, huyện Lạng Giang. Tại đây, T nói dối với anh T2 là T đang muốn thay 02 bình ắc quy nhãn hiệu NARADA 6-DZF-12, màu xanh, loại 12V, dung lượng 12Ah, kích thước (15x10x9,8)cm gắn trên xe máy điện và hỏi anh T2 có mua 02 bình ắc quy trên không, anh T2 không biết T nói dối nên đồng ý mua và trả cho T số tiền 220.000 đồng. Sau khi bán 02 bình ắc quy cho anh T2, T dắt xe về nói dối với N là xe bị hết điện và trả xe cho N rồi bỏ đi. Lúc này, N phát hiện bị T lừa lấy mất 02 bình ắc trên xe nên nói cho ông V biết. Sau đó, ông V nhờ anh Dương Công T1 bảo T đi chuộc ắc quy về trả lại cho ông V. Sau khi anh T1 yêu cầu thì T đến quán sửa xe của anh T2 trả lại tiền và lấy lại 02 bình ắc quy rồi đem về nhờ anh T1 trả lại 02 bình ắc quy cho ông V.

Vào khoảng 17 giờ ngày 20/7/2022, T đang ở nhà bà ngoại là Đào Thị M, sinh năm 1942, trú tại thôn H, xã H, huyện Lạng Giang thì thấy bác ruột của T là Vi Thị N, sinh năm 1968, trú tại thôn H, xã H, huyện Lạng Giang đi xe máy điện nhãn hiệu Okinawa, màu đen, loại 133S9+ (không có biển kiểm soát) đến chơi. Lúc này, do không có tiền tiêu nên T nói dối với bà N là cho T mượn xe để đi mua nước uống, bà N đồng ý và đưa xe cho T mượn. Sau đó T điều khiển xe của bà N đến nhà của chị Trần Thị H, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang đặt làm tin để vay chị H số tiền 500.000 đồng, rồi T đi lang thang và tiêu xài hết tiền. Khoảng vài ngày sau T về nhà và nói cho bà N biết đã đặt xe máy điện của bà N để

vay của chị H số tiền 500.000 đồng nhưng không có tiền trả nên bà N đã đến gặp trả chị H số tiền 500.000 đồng rồi lấy xe về.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 24/7/2022, T đi bộ từ nhà bà ngoại ra khu vực sân bóng chuyên hơi của thôn H, xã H, huyện Lạng Giang để chơi thì phát hiện có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Word, màu nâu, biển kiểm soát 11F3-1213 của anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1956, trú tại thôn C, xã H, huyện Lạng Giang dựng ở lề đường nhưng trên xe vẫn cắm chìa khóa. T đi bộ đến gần xe mô tô của anh H rồi ngồi lên yên xe, mở khóa điện và điều khiển xe ra khu vực thị trấn K gặp một người đàn ông không quen biết; T nhờ người này đem xe mô tô biển kiểm soát 11F3-1213 đến nhà của chị Trần Thị H, sinh năm 1986, tại tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang đặt làm tin và vay của chị H số tiền 500.000 đồng, sau khi đặt xe và vay được tiền người đàn ông đem tiền về đưa cho T thì T cho người này 50.000 đồng tiền công, còn 450.000 đồng T mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 10 giờ ngày 26/7/2022, T đi bộ từ nhà ra cánh đồng Ao Quế, thuộc thôn K, xã H, huyện Lạng Giang thì phát hiện có chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F8-9985 của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, trú tại thôn K, xã H, huyện Lạng Giang dựng ở trên đường cạnh ruộng lúa, trên xe cắm chìa khóa nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. T đi đến chỗ dựng xe của anh T ngồi lên yên xe mở khóa điện điều khiển xe đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 ở thôn C, xã A, huyện Lạng Giang bán được số tiền 1.000.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Buổi tối ngày 27/7/2022, T đến chơi game tại quán Internet “Tùng Anh” ở Phố B, xã A, huyện Lạng Giang đến khoảng hơn 08 giờ ngày 28/7/2022 thì T nghỉ chơi và đi về. Khi ra nhà để xe của quán internet Tùng Anh thì phát hiện thấy chiếc xe máy điện nhãn hiệu HTC, màu đen, loại 133S, biển kiểm soát 98MĐ5-050.62 của em Hoàng Văn S, sinh ngày 10/01/2008, trú tại thôn M, xã A, huyện Lạng Giang (xe này S mượn của ông nội là Hoàng Văn H, sinh năm 1957) đang dựng ở nhà để xe, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện trên nên ngồi tại bàn uống nước ở nhà để xe quan sát, khi thấy xung quanh không có người đã tiến đến vị trí chiếc xe và dùng tay dắt chiếc xe máy điện ra gần cổng rồi lên xe mở khóa điện điều khiển xe ra cửa hàng thu mua phế liệu của ông Đồng Văn H, sinh năm 1968 ở thôn H, xã N, huyện Lạng Giang bán cho ông H được số tiền 600.000 đồng, có tiền bán xe T đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, trong các ngày 28/7/2022, 01/8/2022, 03/8/2022, lần lượt em Hoàng Văn S, anh Nguyễn Quang H, anh Nguyễn Văn T, em Đồng Khắc N và chị Nguyễn Thị H có đơn trình báo về việc bị mất các tài sản nêu trên (BL:175,189, 208, 221, 235).

Trong các ngày 01/8/2022 và ngày 02/8/2022, chị Nguyễn Thị H giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chiếc xe mô tô hiệu Serina, số khung Y0021350, số máy 00601650, biển kiểm soát 98F8-9985; chị Trần Thị H giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Word, màu nâu, số khung 1670615, số máy 01670615, biển kiểm soát 11F3-1213; Anh Đồng Văn H giao nộp: 01 xe máy điện nhãn hiệu HTC, màu đen, loại 133S, biển kiểm soát 98MĐ5-050.62 (BL: 124, 125, 126).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐGTS ngày 01/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang, kết luận: “01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu HTC, màu đen, loại 133S, biển kiểm soát 98MĐ5-050.62 đã qua sử dụng có giá 1.650.000 đồng” (BL: 101-102).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐGTS ngày 08/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang, kết luận: 02 bình ắc quy nhãn hiệu NARADA 6-DZF-12, màu xanh, loại 12V, dung lượng 12Ah, kích thước (15x10x9,8)cm đã qua sử dụng có giá 400.000 đồng; 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Okinawa, màu đỏ đen, loại 133 S9 + (không có biển kiểm soát) đã qua sử dụng có giá 2.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Word, loại xe Dream, màu nâu BKS 11F3-1213 đã qua sử dụng trị giá 1.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Serina, màu nâu BKS 98F8-9985 đã qua sử dụng trị giá 1.000.000 đồng (BL: 107-108).

Ngày 18/8/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển kiểm soát 11F3-1213 cho anh Nguyễn Quang H; xe mô tô biển kiểm soát 98F8-9985 cho anh Nguyễn Văn T; xe máy điện biển kiểm soát 98MĐ5-050.62 cho ông Hoàng Văn H (BL: 148,153, 158).

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; người bị hại, đại diện người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Bị cáo khẳng định việc bị cáo khai tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, không hề bị cưỡng bức, đánh đập, ép buộc hay bị bức cung hoặc dùng nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang xác định lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai người bị hại, đại diện người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội; biên bản xác định hiện trường + sơ đồ, bản ảnh hiện trường; tang vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 55; Điều 91; Điều 101; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản và từ 06 tháng đến 9 tháng tù giam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 01/8/2022. Ngoài ra còn đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm dân sự, tiền án phí và quyền kháng cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; Bản luận cứ của trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, người bị hại, đại diện người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng này không gây trở ngại tới việc xét xử đối với vụ án và bị cáo. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh và khung hình phạt áp dụng: Phạm Văn T, sinh ngày 08/10/2005, trú tại thôn H, xã H, huyện Lạng Giang là đối tượng nghiện ma túy. Trong thời gian tại ngoại chờ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang chuẩn bị xét xử đối với Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 03/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang. Từ ngày 23/6/2022 đến ngày 27/7/2022 T liên tục có hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, của người khác trên địa bàn huyện Lạng Giang cụ thể như sau:

Ngày 23/6/2022, T có hành vi trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị H. Ngày 24/7/2022, T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Work, BKS 11F3-1213, trị giá 1.000.000 đồng anh của Nguyễn Quang H. Ngày 26/7/2022, T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS 98F8-9985, trị giá 1.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T. Ngày 27/7/2022, T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu HTC, biển kiểm soát 98MĐ5-050.62 trị giá 1.650.000 đồng của cháu Hoàng Văn S. Tổng giá trị tài sản do Phạm Văn T trộm cắp được xác định là 11.650.000 đồng (mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Đầu tháng 7/2022, T có hành vi gian dối chiếm đoạt 02 bình ắc quy loại 12V, dung lượng 12Ah, trị giá 400.000 đồng của cháu Đồng Khắc N. Ngày 20/7/2022, T có hành vi gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Okinaw, loại 133 S9 + trị giá 2.000.000 đồng của bà Vi Thị N. Tổng trị giá tài sản do Phạm Văn T bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt được xác định là 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng . . . thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần xử lý đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 14/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2022/HS-ST ngày 26/8/2022, của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, hiện bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Đây không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng cũng cần xem đây là yếu tố cần thiết để cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội ngoài tình tiết định khung hình phạt ra thì không có tình tiết nào làm tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo xuất thân từ thành phần con em người lao động thuần nông, sau khi phạm tội đã hoàn trả, bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, tài sản bị cáo chiếm đoạt còn lại đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, để bị cáo sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện cùng với gia đình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền ăn tiêu, nên ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung công quỹ nhà nước; song xét thấy bị cáo đến nay chưa đủ 18 tuổi, bản thân không có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình, gia đình thuộc diện hộ nghèo, nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H, anh Tô Văn N, anh Dương Công T1, anh Nguyễn Quang H, bà Vi Thị N; cháu Đồng Khắc N do ông Đồng Khắc V là bố đẻ đại diện; cháu Hoàng Văn S do ông Hoàng Văn Hùng là ông nội đại diện đều đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Đồng Văn H yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền 600.000 đồng; chị Trần Thị H yêu cầu T trả lại số tiền vay 500.000 đồng; chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đồng ý trả anh Đồng Văn H, chị Trần Thị Hải, chị Nguyễn Thị H số tiền trên. HĐXX xét thấy việc đồng ý trả tiền của bị cáo T là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần chấp nhận. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải có trách nhiệm trả anh Đồng Văn H 600.000 đồng; trả chị Trần Thị H 500.000 đồng và trả chị Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với anh Tô Văn N bán chiếc điện thoại Iphone 6 plus với giá 1.900.000 đồng cho bị cáo T, nhưng anh N không biết bị cáo T sử dụng tiền trộm cắp mà có để mua điện thoại; anh Dương Công T1, khi biết T trộm cắp đã yêu cầu T đưa lại số tài sản trộm cắp được cho anh T1 để anh T1 mang đi trả lại cho các bị hại nhưng sau đó do bận việc anh T1 chưa đến Cơ quan công an trình báo nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý gì đối với anh N và T1. HĐXX xét thấy là phù hợp.

Đối với các cửa hàng bán quần áo cho T, T khai nhận không nhớ mua của cửa hàng nào, ở đâu nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm việc.

Đối với anh Hoàng Văn T2 mua 02 bình ắc quy là tài sản của bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt của cháu Đồng Khắc N, nhưng anh T2 không biết đây là tài sản do bị cáo T lừa đảo mà có; anh Dương Công T1 sau khi biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã yêu cầu T đi chuộc 02 bình ắc quy về để trả lại cho ông Đồng Khắc V nhưng do bận công việc nên anh T1 chưa đến cơ quan Công an trình báo được nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh T2 và anh T1. HĐXX xét thấy là phù hợp.

Đối với chị Trần Thị H nhận đặt xe máy điện bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt của bà Vi Thị N và xe mô tô biển kiểm soát 11F3-1213 bị cáo T trộm cắp của anh Nguyễn Quang H rồi nhờ một người thanh niên không rõ lai lịch đem đến đặt để vay tiền, nhưng chị H không biết số tài sản trên do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị H. HĐXX xét thấy là phù hợp.

Đối với người nam giới bị cáo T nhờ đem chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11F3-1213 trộm cắp được đi đặt cho chị Trần Thị H để vay số tiền 500.000 đồng nhưng bị cáo T không quen biết và không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu, nên cơ quan điều tra không có căn cứ tiến hành xác minh đối với người này.

Đối với chị Nguyễn Thị H mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98F8-9985 của bị cáo T; Anh Đồng Văn H mua xe máy điện biển kiểm soát 98MĐ5-050.62 của bị cáo T, nhưng khi mua cả hai người đều không biết số tài sản trên do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. HĐXX xét thấy là phù hợp.

Đối với việc bị cáo T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu cho Công an huyện Lạng Giang đề ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

Án phí: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 55; Điều 91; Điều 101; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 06 (sáu) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam 01/8/2022.

* Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 463; 466; 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải có trách nhiệm hoàn trả anh Đồng Văn H 600.000 đồng; trả chị Trần Thị H 500.000 đồng; hoàn trả chị Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng.

* Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn T.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi